

UBND TỈNH VĨNH PHÚC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 170 /QĐ-ĐT

Phúc Yên, ngày 03 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp theo phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo- Bồi dưỡng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng khối Giáo dục nghề nghiệp theo phương thức tích lũy mô-đun, tín chỉ tại trường Cao đẳng Vĩnh Phúc.

Điều 2. Quy chế này áp dụng đối với khóa tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng từ năm 2022. Các Phòng, Khoa, Tổ chuyên môn thực hiện tổ chức đào tạo theo các quy định của quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày kí. Các ông (bà) Trường phòng, Khoa, Tổ, các CBGD và người học căn cứ Quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT + ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. TRẦN THANH TÙNG

QUY CHẾ
Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành khối Giáo dục nghề nghiệp
theo phương thức mô - đun, tín chỉ

*(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-ĐT ngày 03 tháng 08 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vĩnh Phúc)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức mô – đun, tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với toàn thể các đơn vị, viên chức, nhà giáo (giáo viên), học sinh - sinh viên (người học) của Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc và các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với các ngành thuộc khối Giáo dục nghề nghiệp của nhà trường được tuyển sinh từ 2022.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đào tạo theo phương thức tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng nội dung học tập được thiết kế thành những mô-đun, môn học, người học được chủ động lựa chọn mô-đun, môn học theo quy định của nhà trường để tích lũy cho tới khi hoàn thành khối lượng mô-đun, tín chỉ quy định trong chương trình. Người học tích lũy đủ các tín chỉ, mô-đun, môn học được quy định trong chương trình của ngành, nghề học thì được xét cấp bằng tốt nghiệp.

2. Đào tạo trực tuyến là hình thức dạy học cho phép thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng trên môi trường Internet để thay thế việc dạy học trực tiếp tại các địa điểm đào tạo của nhà trường.

Điều 3. Chương trình và thời gian đào tạo

1. Chương trình đào tạo

a) Chương trình đào tạo thể hiện mục tiêu đào tạo, khối lượng kiến thức, yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt sau khi tốt nghiệp; phạm vi và cấu trúc nội dung; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập. Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

b) Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học. Những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học.

2. Thời gian đào tạo là thời gian để người học hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể và đủ điều kiện để nhận bằng tốt nghiệp tương ứng với chương trình đào tạo đó, cụ thể:

a) Thời gian đào tạo trình độ trung cấp theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ quy định cho từng chương trình;

b) Thời gian đào tạo trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ là thời gian người học tích lũy đủ số lượng mô-đun, tín chỉ của từng chương trình.

3. Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình

a) Thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình bao gồm thời gian học các môn học, mô-đun và thời gian thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp do hiệu trưởng quyết định, bảo đảm không vượt quá 1,5 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ hai đến ba năm học, không vượt quá 02 lần thời gian đào tạo đối với chương trình từ một đến dưới hai năm học, không bao gồm thời gian bảo lưu quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này;

b) Thời gian tối đa đối với người học cùng lúc hai chương trình bằng thời gian tối đa để hoàn thành chương trình có thời gian đào tạo dài hơn và được tính từ khi bắt đầu học chương trình thứ nhất;

c) Hiệu trưởng có thể xem xét, quyết định kéo dài thời gian đào tạo tối đa đối với các trường hợp người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;

d) Thời gian tối đa đối với chương trình đào tạo các ngành, nghề thuộc lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao có tính chất đặc thù do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thống nhất quy định.

4. Thời gian tổ chức giảng dạy được quy định cụ thể như sau:

a) Thời gian giảng dạy, học tập được quy định tùy theo tình hình thực tế của trường từ 7h00 đến 22h00 hàng ngày, bao gồm cả ngày thứ 7 và chủ nhật, trừ các nội dung học tập đặc thù phải giảng dạy ngoài thời gian này mới đủ điều kiện thực hiện;

b) Thời gian giảng dạy, học tập bằng hình thức trực tuyến được thực hiện linh hoạt tùy theo điều kiện và hoàn cảnh thực tế của trường, do hiệu trưởng quyết định;

c) Thời gian giảng dạy, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp được thực hiện theo thỏa thuận giữa nhà trường và doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo quy định của pháp luật về thời gian làm việc.

d) Tùy theo số lượng người học, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, Phòng đào tạo-Bồi dưỡng sắp xếp thời khóa biểu hàng ngày hoặc từng học kỳ cho các lớp.

5. Thời gian học khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc chương trình giáo dục trung học phổ thông theo hình thức giáo dục thường xuyên không tính vào thời gian đào tạo nghề theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Điều 4. Địa điểm đào tạo

1. Địa điểm đào tạo được thực hiện tại các cơ sở của trường. Các nội dung tổ chức giảng dạy ngoài nhà trường tại các địa điểm liên kết đào tạo, tại doanh nghiệp theo quy định hiện hành về hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở bảo đảm chất lượng đào tạo.

2. Việc đào tạo trực tuyến được thực hiện linh hoạt về địa điểm do hiệu trưởng căn cứ vào điều kiện thực tế quyết định nhưng phải đáp ứng các điều kiện cho việc đào tạo để bảo đảm chất lượng theo quy định.

Điều 5. Kế hoạch đào tạo

1. Căn cứ vào chương trình đào tạo, phòng Đào tạo-Bồi dưỡng đề xuất để hiệu trưởng phê duyệt kế hoạch phân bổ số môn học, mô-đun cho từng học kỳ, năm học.

2. Trước khi bắt đầu khóa học, trường phải công bố công khai kế hoạch đào tạo đối với khóa học đó. Kế hoạch đào tạo cho từng khóa học, năm học phải thể hiện: Thời gian hoạt động của chương trình đào tạo; thời điểm bắt đầu và kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học; kế hoạch tổ chức các hoạt động thi, bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp (nếu có); thời gian thi hết môn học, mô-đun, thi tốt nghiệp; thời gian nghỉ hè, lễ tết, khai giảng, bế giảng; thời gian học tập ngoại khóa và các nội dung khác. Thời gian, thời lượng đào tạo các môn học, mô-đun trong chương trình; thời gian học lý thuyết, thực hành, thực tập được quy định cụ thể trong thời khóa biểu của từng ngành, từng khóa.

3. Trường hợp đào tạo trực tuyến thì kế hoạch đào tạo phải quy định cụ thể các nội dung, môn học, mô-đun đào tạo bằng hình thức trực tuyến.

Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 6. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học người học phải nộp các giấy tờ theo quy định hiện hành của nhà trường và được quản lý tại phòng Công tác học sinh - sinh viên.

2. Sau khi xem xét đủ điều kiện nhập học, Phòng Đào tạo – Bồi dưỡng trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là học sinh- sinh viên chính thức của trường và được tổ chức thành các lớp học theo các chương trình đào tạo và ngành nghề đào tạo cụ thể, phù hợp với từng hình thức tổ chức đào tạo.

3. Sau khi có Quyết định công nhận chính thức, người học được:

a) Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng lập cho mỗi học sinh, sinh viên một mã số học sinh, sinh viên. Mã số này được sử dụng trong toàn bộ quá trình học tập tại trường. Các đơn vị có liên quan sử dụng thống nhất mã số học sinh, sinh viên này;

b) Phòng Công tác học sinh-sinh viên làm thẻ cho học sinh, sinh viên trong 2 tháng đầu của khóa học;

c) Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng cấp 01 sổ đăng ký học tập, Phòng Công tác học sinh-sinh viên cấp 01 sổ tay sinh viên.

4. Các Phòng, Khoa, Tổ chuyên môn và giáo viên liên quan đến việc quản lý các lớp cung cấp đầy đủ các thông tin cho người học về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của người học.

Điều 7. Chuyển ngành, nghề đào tạo

1. Người học được chuyển ngành, nghề đào tạo đang học sang học một ngành, nghề đào tạo khác của trường.

2. Người học được chuyển ngành, nghề đào tạo khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Người học có đơn đề nghị chuyển đổi ngành, nghề đào tạo;

b) Ngành, nghề đào tạo dự kiến sẽ chuyển sang học phải có cùng hình thức tuyển sinh và các tiêu chí tuyển sinh bằng hoặc thấp hơn so với tiêu chí tuyển sinh của ngành, nghề đào tạo đang học;

c) Việc chuyển đổi ngành, nghề đào tạo phải được thực hiện ngay trong học kỳ đầu tiên của chương trình;

d) Không trong thời gian tạm dừng chương trình đang học, điều chỉnh tiến độ học, bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Thời gian học tối đa để người học chuyển ngành, nghề đào tạo hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này và được tính từ khi bắt đầu nhập học ngành, nghề trước khi chuyển.

Điều 8. Học cùng lúc hai chương trình

1. Điều kiện học cùng lúc hai chương trình

a) Người học có đơn đề nghị học cùng lúc hai chương trình;
b) Đã học xong học kỳ thứ nhất đối với chương trình có thời gian thực hiện từ một đến hai năm học, đã học xong học kỳ thứ hai đối với chương trình có thời gian thực hiện trên hai năm học. Kết quả học tập của từng học kỳ đã hoàn thành ở chương trình thứ nhất phải đạt loại khá trở lên;

c) Không trong thời gian tạm dừng chương trình đang học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Người học thuộc diện phải điều chỉnh tiến độ học hoặc bị buộc thôi học ở chương trình thứ nhất thì bị buộc thôi học chương trình thứ hai.

3. Thời gian để người học hoàn thành hai chương trình được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này.

Điều 9. Tạm dừng chương trình và bảo lưu kết quả học tập

1. Bảo lưu kết quả học tập là việc nhà trường giữ nguyên kết quả người học đã học và thi đạt yêu cầu đối với các môn học, mô-đun trong một khoảng thời gian nhất định khi người học được tạm dừng chương trình đào tạo. Kết quả học tập các môn học, mô-đun bảo lưu được tính khi xếp loại kết quả học tập và đánh giá xếp loại tốt nghiệp.

2. Người học được tạm dừng chương trình đang học và được bảo lưu kết quả học tập nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia phòng chống thiên tai, dịch bệnh; tham gia các kỳ thi, giải thi đấu quốc tế;

b) Vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám, điều trị hoặc có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật;

c) Chuyển nơi học từ trường này sang trường khác cùng ngành nghề đào tạo mà thời gian học ở trường khác có sự khác nhau về tiến độ;

d) Tham gia chương trình, dự án đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc do điều kiện, hoàn cảnh gia đình buộc phải dừng học tập;

đ) Trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập có thời hạn;

e) Bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền hoặc đã có kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng không thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật ở mức buộc thôi học.

3. Thời gian được bảo lưu kết quả học tập không quá 5 năm tính từ khi dừng chương trình học tập và không tính vào thời gian tối đa hoàn thành khóa học. Người học có nhu cầu được bảo lưu kết quả học tập phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định.

4. Người học được tạm hoãn học môn học, mô-đun theo kế hoạch đào tạo của trường và phải hoàn thành môn học, mô-đun đó trong quỹ thời gian tối đa hoàn thành chương trình nếu thuộc một hoặc các trường hợp sau:

a) Vì lý do sức khỏe không bảo đảm để học môn học, mô-đun đó và có giấy xác nhận của cơ sở y tế nơi khám hoặc điều trị;

b) Có lý do khác không thể tham gia học môn học, mô-đun đó, kèm theo minh chứng cụ thể và phải được hiệu trưởng chấp thuận;

5. Thời gian nghỉ học tạm thời được tính vào thời gian tối đa để người học hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này. Hồ sơ đăng ký nghỉ học tạm thời của người học gồm: Đơn đề nghị nghỉ học tạm thời và các minh chứng kèm theo; xác nhận đã hoàn thành các nghĩa vụ đóng học phí và các nghĩa vụ khác liên quan đúng theo quy định hiện hành của nhà trường.

Điều 10. Công nhận kết quả học tập và miễn trừ nội dung học tập

1. Công nhận kết quả học tập

a) Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một chương trình đào tạo khác, trình độ đào tạo khác hoặc từ một trường khác trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp được xem xét công nhận trong chương trình đào tạo đang theo học không phân biệt hình thức đào tạo trực tiếp hay trực tuyến;

b) Việc công nhận kết quả, nội dung học được thực hiện theo từng môn học, mô-đun hoặc cả chương trình đào tạo;

c) Nhà trường công khai quy định việc công nhận kết quả và nội dung học tập trong chương trình đào tạo.

2. Người học được công nhận kết quả học tập và được miễn trừ nội dung học tập không phân biệt hình thức đào tạo trực tiếp hay trực tuyến khi thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học, mô-đun trong trường hợp đã học, đã thi kết thúc môn học, mô-đun, có điểm đạt yêu cầu của chương trình đó và có nội dung, thời lượng tương đương với môn học, mô-đun trong chương trình đang học của trường. Việc xác định nội dung và thời lượng được miễn học do hiệu trưởng quyết định trên cơ sở so sánh, đối chiếu với những nội dung của chương trình đào tạo hiện hành

b) Người học được miễn học, kiểm tra, thi kết thúc môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và an ninh hoặc có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh tương đương với trình độ đào tạo hoặc cao hơn;

- Có giấy chứng nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp đã hoàn thành và có điểm đạt yêu cầu của môn học trong chương trình đào tạo trình độ tương ứng hoặc cao hơn so chương trình đào tạo trình độ đang học;

- Có bằng tốt nghiệp từ trình độ trung cấp trở lên do cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cấp thì được miễn học, miễn kiểm tra, thi kết thúc môn học trong chương trình đào tạo trình độ tương ứng hoặc thấp hơn;

- Người học là người nước ngoài.

c) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp chương trình trung cấp lý luận chính trị hoặc tương đương trở lên;

d) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng của nhà trường trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ từ trung cấp ngoại ngữ trở lên hoặc đã có trình độ ngoại ngữ tương đương trình độ được quy định tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam cụ thể:

- Trình độ cao đẳng: Người học đã có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp;

- Trình độ Trung cấp: Người học đã có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp;

đ) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp đã tốt nghiệp từ trình độ tương đương trở lên hoặc có kết quả kiểm tra đầu vào đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc có văn bằng, chứng chỉ tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên nhóm ngành, nghề công nghệ thông tin;

e) Được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng trong trường hợp sau:

- Người học đã được công nhận tốt nghiệp chương trình từ trình độ tương đương trở lên, trong đó có môn học Giáo dục thể chất có điểm đạt yêu cầu, có thời lượng tương đương hoặc cao hơn so với môn học Giáo dục thể chất trong chương trình của trường;

- Người học là thương bệnh binh, có thương tật hoặc bệnh mãn tính làm hạn chế chức năng vận động; Học sinh, sinh viên trong thời gian học tại trường đạt giải nhất, nhì, ba hoặc đạt huy chương trong các đợt thi đấu thể thao cấp ngành hoặc từ cấp tỉnh trở lên;

g) Có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật được hiệu trưởng xem xét, quyết định cho miễn, giảm một số môn học, môn-đơn hoặc miễn, giảm một số nội dung mà khả năng cá nhân không thể đáp ứng được.

h) Người học có nhu cầu được công nhận kết quả học tập, miễn trừ nội dung học tập phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét. Số tín chỉ được công nhận và miễn học, miễn thi không vượt quá 30% khối lượng chương trình toàn khóa.

i) Quy trình thủ tục công nhận kết quả học tập, xét miễn trừ nội dung học tập:

- Vào đầu các kỳ học, căn cứ vào chương trình đào tạo, giáo viên quản lý lớp hướng dẫn người học làm đơn đề nghị với Khoa, Khoa đối chiếu, tổng hợp và gửi về Phòng Đào tạo – Bồi dưỡng để trình Ban giám hiệu xem xét quyết định.

- Yêu cầu về hồ sơ:

+ Đơn xin miễn học, miễn thi theo mẫu của trường (mẫu đính kèm)

+ Các văn bằng, chứng chỉ và bảng điểm (Bản sao công chứng)

- Thời gian: Người học nộp hồ sơ về Khoa trước khi bắt đầu kỳ học 03 tuần. Khoa tổng hợp gửi về Phòng Đào tạo – Bồi dưỡng trước khi bắt đầu kỳ học 02 tuần. Phòng Đào tạo – Bồi dưỡng kiểm tra, lập danh sách trình Ban giám hiệu xem xét quyết định trước khi bắt đầu học kỳ 01 tuần.

- Hồ sơ xét miễn học, miễn thi được lưu tại Phòng Đào tạo – Bồi dưỡng theo quy định hiện hành.

h) Các môn học được công nhận kết quả học tập, được miễn trừ nội dung học tập của người học được chuyển điểm vào chương trình đào tạo để tính kết quả học tập của người học. Đối với môn Giáo dục chính trị điểm được chuyển để tính kết quả là điểm trung bình cộng của các môn chung nhóm Lý luận chính trị sau khi nhân hệ số (*đơn vị học trình hoặc tín chỉ- có danh sách các môn đính kèm quy chế*).

Điều 11. Chuyển trường

1. Người học chuyển trường theo quyết định của Hiệu trưởng nhà trường nơi chuyển đi và đồng ý tiếp nhận của Hiệu trưởng nhà trường được chuyển đến để tiếp tục học tập theo đúng quy định. Việc ra quyết định chuyển trường phải có sự đồng ý bằng văn bản của người học.

2. Người học chuyển trường theo nhu cầu cá nhân thì việc chuyển trường được thực hiện theo quy định của trường nơi chuyển đi và trường nơi chuyển đến. Hiệu trưởng chỉ xét tiếp nhận hoặc cho người học chuyển trường khi đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có đơn đề nghị chuyển trường;

b) Không trong thời gian điều chỉnh tiến độ học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Không chuyển trường khi đang học học kỳ cuối cùng của khóa học;

d) Khi chuyển sang trường nơi chuyển đến phải học đúng ngành, nghề đang học tại trường nơi chuyển đi.

3. Hiệu trưởng trường có người học xin chuyển đến quyết định việc tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, người học ở trường nơi chuyển đến.

4. Thời gian tối đa cho người học chuyển trường hoàn thành chương trình được tính từ thời điểm nhập học ở trường nơi chuyển đi.

Điều 12. Tổ chức lớp học

1. Người học khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp khóa học và sau đó tham gia vào các lớp học phân:

a) Lớp khóa học: Lớp khóa học được tổ chức theo khoá học, ngành học. Mỗi khoá học, ngành học có thể có một hay nhiều lớp. Lớp khóa học duy trì ổn định trong cả khoá đào tạo, có tên lớp và hệ thống tổ chức lớp, đoàn thể được quy định cụ thể trong Quy chế công tác học sinh - sinh viên.

b) Lớp môn học, mô đun: Là lớp học được tổ chức theo từng môn học, mô đun dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Mỗi lớp môn học, mô đun có thời khoá biểu, lịch thi và có mã số lớp học riêng và có một lớp trưởng do giảng viên phụ trách môn học, mô đun chỉ định. Lớp trưởng lớp môn học, mô đun có nhiệm vụ theo dõi số người đi học, ghi chép sổ lên lớp (sổ đầu bài) và nộp cho Khoa (Tổ) quản lý nội dung đào tạo ngay sau khi kết thúc thời gian học của môn học, mô đun.

c) Số lượng tối thiểu để nhà trường mở lớp môn học, mô đun trong học kỳ chính là 18 người đăng ký; Các môn học, mô đun thực hành không quá 18 người học đối với nghề bình thường; không quá 10 người học đối với ngành, nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành. Đối với các lớp học lại, học bù, học cải thiện điểm, học vượt và những trường hợp đặc biệt, số lượng người học lớp môn học, mô đun do Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng đề nghị, Hiệu trưởng xem xét và quyết định.

d) Nếu số lượng người học đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu theo quy định thì việc tổ chức lớp môn học, mô đun sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

đ) Danh sách sinh viên lớp môn học, mô đun do Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng kiểm soát, in và giao cho Khoa (Tổ) quản lý nội dung đào tạo vào đầu học kỳ để giao cho giảng viên (danh sách chính thức sẽ có vào đầu tuần thứ 4 của học kỳ chính và đầu tuần thứ 3 của học kỳ phụ). Giảng viên có trách nhiệm thường xuyên điểm danh; người học không có tên trong danh sách lớp môn học, mô đun không được vào lớp học; Giảng viên không được thay đổi danh sách người học lớp môn học, mô đun.

2. Tùy điều kiện thực tế, một năm có thể tổ chức từ 2 - 3 học kỳ, gồm học kỳ chính và học kỳ phụ. Học kỳ chính là học kỳ bắt buộc phải học, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi. Học kỳ phụ không bắt buộc phải học, trong học kỳ phụ người học học các môn học, mô-đun chậm tiến độ ở học kỳ chính, hoặc học lại các môn học, mô-đun chưa đạt, hoặc để cải thiện điểm số, hoặc học vượt các môn học,

mô-đun có ở các học kỳ sau nếu trong học kỳ phụ có lớp. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 6 tuần gồm thời gian thực học và thời gian thi.

Điều 13. Đăng ký khối lượng học tập

1 Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các môn học, mô-đun dự định sẽ học trong học kỳ đó với phòng Đào tạo- Bồi dưỡng. Thời gian đăng ký được quy định trong Lịch trình hằng năm của nhà trường. Khối lượng học tập người học đăng ký trong mỗi học kỳ như sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu không nhỏ hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập;

b) Khối lượng học tập tối đa không quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập;

c) Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với học kỳ phụ.

2. Người học được đăng ký học lại môn học, mô-đun có lần thi cuối đạt điểm D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy.

3. Việc đăng ký học tập cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng môn học, mô-đun và trình tự học tập của mỗi chương trình đào tạo cụ thể.

4. Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng chỉ nhận đăng ký khối lượng học tập của người học ở mỗi học kỳ khi đã có chữ ký chấp thuận của cố vấn học tập trong sổ đăng ký học tập hoặc theo quy định của Hiệu trưởng. Khối lượng đăng ký học tập của sinh viên theo từng học kỳ phải được ghi vào phiếu đăng ký học do phòng Đào tạo-Bồi dưỡng lưu giữ.

Điều 14. Rút bớt khối lượng học tập đã đăng ký

1. Việc rút bớt khối lượng học tập đã đăng ký được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ. Tùy theo điều kiện cụ thể, hiệu trưởng quy định khối lượng học tập tối đa được rút bớt. Ngoài khối lượng học tập được rút bớt, môn học, mô-đun vẫn được giữ nguyên trong phiếu đăng ký học, nếu người học không học môn học, mô-đun này sẽ xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F theo quy định tại mục a, khoản 1, Điều 20 của Quy chế này.

2. Điều kiện rút bớt khối lượng học tập đã đăng ký:

a) Người học phải tự viết đơn đã được cố vấn học tập chấp nhận và gửi Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng xác nhận;

b) Được Hiệu trưởng nhà trường chấp thuận;

c) Không vi phạm khoản mục a, khoản 1, Điều 20 của Quy chế này.

Người học chỉ được phép bỏ lớp đối với môn học, mô-đun xin rút bớt, sau khi giảng viên phụ trách nhận được thông báo nhà trường.

Điều 15. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học, tự thôi học

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, giúp cho người học có kết quả học tập kém biết và có kế hoạch học tập thích hợp để cải thiện kết quả học tập. Việc cảnh báo kết quả học tập của người học được thực hiện khi:

a) Tổng số môn học, mô-đun không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng học tập đã đăng ký đầu kỳ;

b) Điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 1,2 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,5 đối với các học kỳ tiếp theo;

c) Mỗi người học được cảnh báo học tập không quá 02 lần/khóa học.

2. Sau mỗi học kỳ, người học bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá quy định của nhà trường;

b) Đã hết quỹ thời gian tối đa để hoàn thành chương trình được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này;

c) Bị kỷ luật ở mức buộc thôi học.

3. Người học không thuộc diện bị buộc thôi học, nếu thuộc một trong các trường hợp sau được đề nghị trường cho thôi học:

a) Người học tự xét thấy không còn khả năng hoàn thành chương trình do thời gian còn lại không đủ để hoàn thành chương trình theo quy định;

b) Vì lý do khác phải thôi học kèm theo minh chứng cụ thể và được hiệu trưởng chấp thuận.

4. Trước khi nhận quyết định buộc thôi học hoặc cho thôi học vì lý do cá nhân, người học phải hoàn thành các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định với Trường.

Chậm nhất là một tháng sau khi người học có quyết định buộc thôi học hoặc cho thôi học vì lý do cá nhân, Phòng Công tác sinh viên phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Người học bị buộc thôi học hoặc được thôi học vì lý do cá nhân được xác nhận kết quả học tập nếu có nhu cầu.

Chương III

KIỂM TRA VÀ THI KẾT THÚC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN

Điều 16. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ

a) Kiểm tra thường xuyên (KTTX) do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học theo từng môn học, mô-đun bằng các hình thức: Kiểm tra vấn đáp trong giờ học; kiểm tra viết với thời gian làm bài bằng hoặc dưới 30 phút; kiểm tra một số nội dung thực hành, thực tập, chấm điểm bài tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác;

b) Kiểm tra định kỳ (KTĐK) được quy định trong chương trình môn học, mô-đun; kiểm tra định kỳ có thể bằng hình thức kiểm tra viết từ 45 đến 60 phút, chấm điểm bài tập lớn, tiểu luận, làm bài thực hành, thực tập và các hình thức kiểm tra, đánh giá khác.

c) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ bằng hình thức trực tuyến do giáo viên, giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun quyết định. Việc kiểm tra bằng hình thức trực tuyến đối với các nội dung thực hành chỉ áp dụng khi đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo; hệ thống hạ tầng, thiết bị công nghệ thông tin và phải bảo đảm đánh giá chính xác, khách quan kết quả học tập của người học;

d) Nội dung của các bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ được thể hiện trong chương trình môn học đáp ứng được chuẩn đầu ra của học phần và của chương trình đào tạo. Sinh viên không dự kiểm tra bài nào nếu không có lý do chính đáng thì nhận điểm **0 (không)** bài đó. Bài kiểm tra định kỳ phải lưu tại Khoa (Tổ) quản lý nội dung đào tạo ít nhất một năm..

2. Thi kết thúc môn học, mô-đun

a) Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện tại trường, phân hiệu, địa điểm đào tạo của trường; đơn vị liên kết đào tạo hoặc tại doanh nghiệp; được thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến khi đáp ứng được các điều kiện cho việc tổ chức thi;

b) Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học, mô-đun; kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có môn học, mô-đun bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính; ngoài ra, căn cứ vào thực tế có thể tổ chức thi kết thúc môn học, mô-đun vào thời điểm khác cho sinh viên đủ điều kiện dự thi;

c) Hình thức thi kết thúc môn học, mô-đun có thể là thi viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa các hình thức trên, được quy định chi tiết trong chương trình môn học, mô-đun đã được hiệu trưởng phê duyệt;

d) Thời gian làm bài thi kết thúc môn học, mô-đun đối với mỗi bài thi viết được quy định theo số tín chỉ môn học, mô-đun cụ thể: 01-02 tín chỉ (60 phút); 03-04 tín chỉ (90 phút); từ 05 tín chỉ trở lên (120 phút). Thời gian thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian thi với các môn học, mô-đun có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo hoặc thời gian thi trực tuyến do do khoa (Tổ) chuyên môn đề xuất, hiệu trưởng quyết định;

đ) Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần. Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học;

e) Danh sách người học đủ hoặc không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun đó công bố công khai vào buổi học cuối cùng của môn học, mô-đun; danh sách địa điểm thi phải được công bố công khai trước ngày thi ít nhất 03 ngày làm việc;

f) Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giảng viên coi thi và không bố trí quá 50 người dự thi; người dự thi phải được bố trí theo số báo danh. Đối với hình thức thi khác, khoa (tổ) chuyên môn đề xuất qua Phòng Khảo thí-ĐBCL trình hiệu trưởng quyết định.

g) Người học tham gia kỳ thi phải được phổ biến về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi;

h) Thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến được thực hiện theo các quy định hiện hành của trường. Việc lưu trữ theo quy định tại khoản 3 Điều 27 của Quy chế này và quy định hiện hành của trường.

Điều 17. Điều kiện và số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun

Người học được dự thi kết thúc học phần khi bảo đảm các điều kiện sau:

a) Tham dự ít nhất 80% số thời gian học tập trên lớp bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập, có ý thức chuẩn bị bài tốt, tham gia tích cực các hoạt động học tập, chấp hành tốt nội quy kiểm tra,.. và có điểm đánh giá chuyên cần và ý thức học tập ≥ 5 ;

b) Điểm đánh giá bộ phận (ĐBP): là Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra thường xuyên và điểm kiểm tra định kỳ ≥ 5 lên theo thang điểm 10;

c) Người học có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định thì được hiệu trưởng xem xét, quyết định ưu tiên điều kiện dự thi trên cơ sở người học đó phải bảo đảm điều kiện về điểm trung bình các điểm kiểm tra.

2. Số lần dự thi kết thúc học phần

a) Sau khi học xong môn học, mô-đun, người học đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này được dự thi kết thúc môn học, mô-đun. Người học vắng mặt trong kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải

nhận điểm 0 (không) ở kỳ thi chính. Những người học này và những người học không đủ điều kiện dự thi ở kỳ thi chính (sau khi đã được xác nhận đủ điều kiện dự thi của giáo viên giảng dạy môn học, mô-đun), được trường Khoa, Phòng Khảo thí cho phép thi được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó.

b) Người học vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có), điểm thi kết thúc môn học, mô-đun được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp thi không đạt trong kỳ thi phụ những người học này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc môn học, mô-đun ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

Điều 18. Học lại và thi lại

1. Người học phải học lại và thi lại môn học, mô-đun nếu thuộc một trong các trường hợp:

a) Không đủ điều kiện dự thi:

- Người học không đủ điều kiện dự thi môn học, mô-đun do có điểm đánh giá chuyên cần và ý thức học tập < 5,0 phải học lại như một môn học, mô-đun mới.

- Người học không đủ điều kiện dự thi môn học, mô-đun do có điểm đánh giá bộ phận < 5,0 được đăng ký làm các bài KTĐK với giảng viên giảng dạy môn học, mô-đun (điểm chuyên cần giữ nguyên). Giảng viên thực hiện việc đánh giá bài KTĐK và xác nhận điều kiện dự thi cho người học.

b) Đã hết số lần dự thi kết thúc môn học, mô-đun theo quy định nhưng điểm thi chưa thuộc loại đạt:

- Người học có điểm thi môn học, mô-đun bắt buộc là điểm F (điểm < 4,00 theo thang điểm 10) sau kỳ thi chính và kỳ thi phụ phải đăng ký học lại môn học, mô-đun đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D (điểm ≥ 4,00 theo thang điểm 10). Số lần học lại không hạn chế. Nếu học phần học lại không còn mở lớp (do chương trình đào tạo thay đổi), người học phải đăng ký học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trường khoa đề xuất, Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng trình Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

- Người học có điểm thi môn học, mô-đun tự chọn là điểm F (điểm < 4,00 theo thang điểm 10) sau kỳ thi chính và kỳ thi phụ phải đăng ký học lại môn học, mô-đun đó hoặc học đổi sang môn học, mô-đun tự chọn tương đương khác.

c) Người học theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ đăng ký học lại, thi lại để cải thiện điểm. Ngoài các trường hợp quy định tại mục b khoản 1 của Điều này, người học được quyền đăng ký học lại hoặc học đổi sang môn học, mô-đun tự chọn tương đương khác (nếu là môn học, mô-đun tự chọn) đối với các học phần bị điểm D (điểm từ 4,00 đến 5,4 theo thang điểm 10) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm tính

trung bình chung tích lũy là điểm của học phần đã đăng ký học lại hoặc học phần đăng ký học chuyển đổi (tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học).

2. Người học phải học lại và thi lại không được bảo lưu điểm và thời gian học tập môn học, mô-đun của lần học trước đó và phải bảo đảm các điều kiện dự thi theo quy định tại khoản 1 Điều 17 của Quy chế này. Học lại môn học, mô-đun nào người học phải nộp học phí môn học, mô-đun đó theo quy định của Nhà trường.

Điều 19. Ra đề thi, chấm thi kết thúc môn học, mô-đun

1. Đề thi

a) Đề thi phải phù hợp với nội dung môn học, mô-đun đã quy định trong chương trình và phù hợp với đối tượng, trình độ của người học; được tổ chức bốc thăm ngẫu nhiên từ ngân hàng đề thi của trường; đối với hình thức thi trực tuyến thực hiện theo quy định hiện hành về thi trực tuyến của nhà trường;

b) Ngân hàng đề thi kết thúc các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo được xây dựng và định kỳ bổ sung, hoàn thiện hằng năm.

c) Đề thi đối với người có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của Luật Người khuyết tật do hiệu trưởng quyết định.

2. Chấm thi

a) Bài thi kết thúc môn học, mô-đun phải do ít nhất 02 giáo viên chấm, cho điểm độc lập và ký vào bài thi, phiếu chấm điểm, bảng tổng hợp điểm của người dự thi. Bài thi viết tự luận, trắc nghiệm phải được làm phách trước khi chấm; chấm thi vấn đáp, thực hành phải thực hiện trên phiếu chấm thi do hiệu trưởng quy định;

b) Điểm của bài thi là trung bình cộng điểm của các giáo viên chấm thi; trường hợp điểm của các giáo viên chấm thi có sự chênh lệch từ 1,0 điểm trở lên theo thang điểm 10 thì phải xem xét chấm lại; nếu chấm lại mà chưa thống nhất được điểm thì trường khoa hoặc trường bộ môn xem xét, giải quyết và là người quyết định cuối cùng về điểm bài thi;

c) Bài thi kết thúc môn học, mô-đun bằng hình thức trực tuyến thực hiện theo quy định hiện hành về thi trực tuyến của nhà trường.

d) Trường hợp người học không đủ điều kiện dự thi thì phải nhận điểm **0 (không)** cho lần thi đó.

3. Công bố điểm thi

a) Điểm thi theo hình thức vấn đáp, thực hành hoặc bảo vệ báo cáo thực tập phải được công bố cho người học biết ngay sau khi chấm;

b) Đối với các hình thức thi, kiểm tra khác phải được công bố cho người học biết muộn nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi.

c) Các điểm thi kết thúc môn học, mô-đun và điểm môn học, mô-đun phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và được số hóa, bản gốc lưu tại Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục. Bản số hóa

được gửi về khoa chuyên môn, phòng Đào tạo-Bồi dưỡng và phòng Quản lý khoa học-Hợp tác quốc tế để công bố trên website của trường chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

Các bài thi kết thúc môn học, mô-đun (thi viết, trắc nghiệm trên giấy, bài tiểu luận, bài tập lớn, bài thu hoạch) do Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng lưu giữ. Thời gian lưu giữ thực hiện theo các quy định hiện hành về lưu trữ hồ sơ.

Điều 20. Tính điểm môn học, mô-đun; điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy

1. Điểm môn học, mô-đun

a) **Đối với các môn học, mô-đun lý thuyết hoặc tích hợp (lý thuyết và thực hành):**

Điểm tổng hợp đánh giá môn học, mô-đun (sau đây gọi tắt là điểm môn học, mô-đun) được tính như sau:

- **Điểm đánh giá bộ phận (DBP):** là trung bình cộng của các điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm kiểm tra định kỳ theo hệ số của từng loại điểm; trong đó, điểm chuyên cần và điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1, điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2. Điểm bộ phận được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, cụ thể:

+ **Điểm đánh giá chuyên cần, ý thức thái độ tham gia học tập (ĐCC):** có 01 điểm đánh giá theo thang điểm 10, được tính theo công thức $ĐCC = PCC + PYT$, cụ thể:

Phần đánh giá chuyên cần (PCC) tối đa được 5 điểm, tính theo bảng sau:

Số tiết tham gia học tập	Điểm
< 80%	0
từ 80% đến < 90%	4
≥ 90%	5

Phần đánh giá ý thức thái độ học tập (PYT): người học có ý thức chuẩn bị bài tốt, tham gia tích cực các hoạt động học tập, chấp hành tốt nội quy khi kiểm tra, ... đạt tối đa 5 điểm. Nếu không tích cực học tập hoặc vi phạm nền nếp học tập, quy chế kiểm tra, ... thì tùy theo mức độ nặng nhẹ mà trừ tương ứng từ 1 đến 5 điểm. Phần đánh giá ý thức thái độ học tập chỉ đạt điểm tối đa (PYT = 5 điểm) khi phần đánh giá chuyên cần đạt từ 4 điểm trở lên.

+ **Điểm kiểm tra thường xuyên:** được tính hệ số 1. Số bài kiểm tra thường xuyên của một môn học, mô-đun được tính như sau: từ 1 đến 2 tín chỉ có 01 bài kiểm tra; từ 3 tín chỉ trở lên có 02 bài kiểm tra.

+ **Điểm kiểm tra định kỳ:** được tính hệ số 2. Số bài kiểm tra định kỳ của một môn học, mô-đun được tính như sau: từ 1 đến 2 tín chỉ có 01 bài kiểm tra; từ 3 tín chỉ trở lên có 02 bài kiểm tra.

Người học không dự kiểm tra bài nào nếu không có lí do chính đáng thì nhận điểm **0 (không)** bài đó. Bài kiểm tra định kỳ phải lưu tại Khoa (Tổ) quản lý nội dung đào tạo ít nhất một năm.

- Điểm thi kết thúc môn học, mô-đun (ĐTMĐ) được tính theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm đánh giá môn học, mô-đun (ĐMĐ) được làm tròn đến một chữ số thập phân và được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{ĐMĐ} = \mathbf{ĐBP} \times \mathbf{0,4} + \mathbf{ĐTMĐ} \times \mathbf{0,6}$$

- Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm đạt từ 4,00 trở lên sau khi đã quy đổi.

b) *Đối với các môn học, mô-đun thực hành*: Điểm môn học, mô-đun (ĐMĐ) là trung bình cộng của điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường xuyên tính hệ số 1 và điểm kiểm tra định kỳ tính hệ số 2, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Số lần kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ của một môn học, mô-đun thực hành được tính như sau: từ 1 đến 2 tín chỉ có 01 bài kiểm tra thường xuyên và 01 bài kiểm tra định kỳ; từ 3 tín chỉ trở lên có 02 bài kiểm tra thường xuyên và 02 bài kiểm tra định kỳ.

c) *Đối với môn học, mô-đun thực hành, thực tập tại cơ sở*: Các môn học, mô-đun thực hành, thực tập tại cơ sở có thời lượng, nội dung được quy định trong chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Mục đích, nội dung, địa điểm, hình thức hoạt động thực hành, thực tập, việc tổ chức thực hành, thực tập và điểm đánh giá được thực hiện theo các quy định về thực hành, thực tập trong chương trình đào tạo của từng ngành và quy định chung của nhà trường.

2. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

a) Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

i: là số thứ tự môn học, mô-đun;

a_i : là điểm của môn học, mô đun thứ i ;

m_i : là số tín chỉ của môn học, mô đun thứ i ;

n : là tổng số môn học, mô đun trong học kỳ, năm học, khóa học hoặc số tín chỉ đã tích lũy.

b) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các môn học, mô đun mà người học đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét khi kết thúc mỗi học kỳ, năm học, khóa học.

c) Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy bao gồm cả điểm môn học, mô đun được bảo lưu, được miễn trừ; không bao gồm điểm môn học, mô đun điều kiện.

d) Trường hợp người học được tạm hoãn học môn học, mô đun thì chưa tính khối lượng học tập của môn học, mô đun đó trong thời gian được tạm hoãn.

3. Điểm trung bình chung học kỳ, năm học, khóa học và điểm trung bình chung tích lũy chỉ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học hoặc khóa học được tính theo kết quả điểm thi kết thúc môn học, mô đun lần thứ nhất; để xét điều chỉnh tiến độ học, buộc thôi học được tính theo kết quả lần thi kết thúc môn học, mô đun có điểm cao nhất.

4. Môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng là 2 môn học điều kiện. Kết quả đánh giá 2 môn học này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, năm học, điểm trung bình chung tích lũy, xếp loại tốt nghiệp nhưng là một trong các điều kiện để xét hoàn thành khối lượng học tập, xét điều kiện dự thi tốt nghiệp hoặc bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp và được ghi vào bảng điểm cấp kèm theo bằng tốt nghiệp.

5. Giáo viên phụ trách môn học, mô-đun thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Hoàn thành sổ điểm bộ môn (đã tính điểm đánh giá bộ phận hoặc điểm học phần đối với các môn học, mô-đun thực hành), kết luận điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô-đun nộp về Khoa. Người học có tên trong sổ điểm của nhà trường nhưng không đến dự học và kiểm tra, giáo viên bộ môn cho điểm 0 (không) tương ứng với số lần cho điểm theo quy định tại hướng dẫn này để tính điểm đánh giá môn học, mô-đun và điều kiện dự thi.

- Làm đề thi kết thúc môn học, mô-đun và đáp án theo quy định của Nhà trường.

- Coi, chấm thi, lên điểm thi và tính điểm môn học, mô-đun theo phân công.

Điều 20. Quy đổi điểm môn học, mô-đun và điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung tích lũy

1. Quy đổi điểm môn học, mô-đun

a) Điểm môn học, mô-đun được tính theo quy định tại khoản 1,2 Điều 19 của Quy chế này theo thang điểm 10 sau khi làm tròn đến một chữ số thập phân sẽ được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại đạt:	A (8,5 - 10)	Giỏi
	B (7,0 - 8,4)	Khá
	C (5,5 - 6,9)	Trung bình
	D (4,0 - 5,4)	Trung bình yếu
Loại không đạt:	F (dưới 4,0)	Kém

b) Đối với những môn học, mô-đun chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ điểm thành phần để đánh giá do được phép hoãn kiểm tra, thi;

X: Chưa nhận được kết quả kiểm tra, thi;

R: Đối với môn học, mô-đun được miễn hoặc được cho phép chuyển điểm kèm theo kết quả.

c) Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những quy định đã nêu ở điểm a khoản này, còn áp dụng cho trường hợp người học vi phạm nội quy thi kiểm tra, thi quy định tại Điều 21; tự ý bỏ học theo quy định tại khoản 3, Điều 15 của Quy chế này;

d) Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp: Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc môn học, mô-đun, người học bị ốm hoặc tai nạn không thể dự thi, nhưng phải được hiệu trưởng cho phép; người học không tham dự đủ bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ hoặc thi hết môn học, mô-đun vì những lý do khách quan, được nhà trường chấp thuận. Trừ các trường hợp đặc biệt do hiệu trưởng quy định, trước khi bắt đầu học kỳ kế tiếp, người học có mức điểm I phải hoàn thành xong các điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ còn nợ để được chuyển điểm;

đ) Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những môn học, mô-đun mà Phòng Đào tạo-Bồi dưỡng chưa nhận được báo cáo kết quả học tập;

e) Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

- Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D, trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số môn học, mô-đun được phép thi sớm để giúp người học học vượt;

- Những môn học, mô-đun được công nhận kết quả, khi người học chuyển từ trường khác đến.

g) Chuyển đổi kết quả học tập từ học chế niên chế sang học chế tín chỉ: Trong trường hợp tiếp nhận người học từ trường khác, hoặc công nhận kết quả học tập (đào tạo theo học chế niên chế) chuyển đến, chỉ những học phần có điểm đánh giá từ 5,0 trở lên mới được công nhận và được qui đổi như sau:

TT	Điểm gốc theo học chế niên chế (thang điểm 10)	Điểm chuyển đổi theo học chế tín chỉ	
		Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	8,5 - 10	A	4
2	7,0 - 8,4	B	3
3	5,5 - 6,9	C	2
4	5,0 - 5,4	D	1

2. Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được quy đổi từ điểm chữ qua điểm số thang điểm 4 như sau:

A	tương ứng với	4
B	tương ứng với	3
C	tương ứng với	2
D	tương ứng với	1
F	tương ứng với	0

3. Quy định về sử dụng các thang điểm:

a) Thang điểm 10 được sử dụng để cho các điểm đánh giá chuyên cần, điểm KTTX, điểm KTĐK, điểm thi kết thúc môn học, mô-đun và điểm môn học, mô-đun.

b) Thang điểm chữ gồm các chữ A, B, C, D, F được quy đổi từ thang điểm 10 như trong Bảng thang điểm đánh giá kết quả học tập.

c) Thang điểm 4 được quy đổi từ thang điểm chữ như trong Bảng thang điểm đánh giá kết quả học tập.

Bảng thang điểm đánh giá kết quả học tập

TT	Điểm 10	Điểm chữ	Điểm 4	Xếp loại	
1	Từ 8,50 đến 10	A	4,0	Giỏi	Đạt
2	Từ 7,00 đến 8,49	B	3,0	Khá	
3	Từ 5,50 đến 6,99	C	2,0	Trung bình	
4	Từ 4,00 đến 5,49	D	1,0	Trung bình yếu	
5	Dưới 4,00	F	0	Kém	Không đạt

Điều 21. Xếp loại kết quả học tập

1. Xếp loại kết quả học tập của người học theo học kỳ căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy theo thang điểm 4 như sau:

Xuất sắc: từ 3,50 đến 4,00

Giỏi: từ 3,00 đến 3,49

Khá: từ 2,50 đến 2,99

Trung bình: từ 2,00 đến 2,49

Yếu: dưới 2,00

2. Người học có điểm đạt loại giỏi trở lên bị hạ xuống một mức xếp loại nếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

a) Bị nhà trường kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong học kỳ xếp loại kết quả học tập, không tính mức kỷ luật được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 17 của Thông tư này.

b) Có 01 môn học hoặc mô-đun trong học kỳ phải thi lại đối với loại xuất sắc, 02 môn học hoặc mô-đun trở lên trong học kỳ phải thi lại đối với loại giỏi, không tính môn học, mô-đun điều kiện; môn học, mô-đun được tạm hoãn học hoặc được miễn trừ.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính để xếp loại.

Điều 22. Xử lý vi phạm về kiểm tra, thi

1. Người học thi hộ, nhờ người thi hộ sẽ bị đình chỉ học tập một năm đối với vi phạm lần thứ nhất và bị buộc thôi học đối với vi phạm lần thứ hai.

2. Trong quá trình thi, nếu người học có hành vi gian lận hoặc sử dụng cụ hỗ trợ trái phép trong khi thi hoặc giúp đỡ, tiếp tay cho việc gian lận thì cán bộ coi thi sẽ lập biên bản và xem xét, quyết định để người học có hành vi gian lận được tiếp tục làm bài thi hoặc dừng việc thi. Trường hợp phải dừng thi thì bài thi đó của người học được đánh giá **0 (không)** điểm.

3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, việc xử lý người học vi phạm trong khi dự kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện như sau:

a) Khiển trách và trừ 25% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: Áp dụng đối với người học phạm lỗi một lần nhìn bài, thảo luận bài với người học khác trong giờ kiểm tra, thi;

b) Cảnh cáo và trừ 50% điểm bài kiểm tra hoặc bài thi: Áp dụng đối với người học vi phạm một trong các lỗi sau đây:

- Đã bị khiển trách một lần trong giờ kiểm tra, thi nhưng vẫn tiếp tục vi phạm quy định tại giờ kiểm tra, thi đó;

- Trao đổi bài làm hoặc giấy nháp cho người khác;

c) Đình chỉ làm bài và nhận điểm **0 (không)** cho bài kiểm tra, bài thi: Áp dụng đối với người học vi phạm một trong các lỗi sau:

- Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ kiểm tra, thi vẫn tiếp tục vi phạm quy định trong giờ kiểm tra, thi đó;

- Mang theo tài liệu hoặc các vật dụng không được phép đem vào phòng thi;

- Đưa đề kiểm tra, thi ra ngoài phòng thi hoặc nhận bài giải từ ngoài vào phòng thi;

- Có hành động gây gổ, đe dọa người có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa người học khác;

- Viết, vẽ bậy lên bài kiểm tra, bài thi;
- Viết bài kiểm tra, bài thi trên giấy không đúng quy định của trường;
- Dùng bài kiểm tra, bài thi của người khác để nộp;
- Có các hành vi nhằm mục đích xin điểm, nâng điểm hoặc làm sai lệch kết quả kiểm tra, thi;

Người học sau khi đã dự kiểm tra, thi nếu có kết luận vi phạm thì bị xử lý kỷ luật như trong khi làm bài kiểm tra, bài thi.

4. Người học sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả sẽ bị buộc thôi học. Nếu phát hiện sau khi cấp bằng thì hiệu trưởng nhà trường thu hồi, hủy bỏ bằng đã cấp đối với người học vi phạm.

5. Viên chức, người lao động tham gia quản lý, giảng dạy, hướng dẫn, đánh giá tại trường, nếu vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật hiện hành.